

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/4/2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Thế Nam và bà Lê Thị Thúy Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 2 năm 2025 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: bà Trương Thị Thu T, sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1998; nơi cư trú: thôn X, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt lần thứ 02 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 2 năm 2025, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 22/4/2025 của nguyên đơn bà Trương Thị Thu T thì nội dung vụ án như sau: Bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Thanh D yêu nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị vào ngày 20/01/2022. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống với nhau tại nhà bố, mẹ chồng ở thôn X, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc như bao cặp vợ chồng khác cho đến đầu năm 2024 thì vợ chồng bà bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông D không chăm lo gia đình, ham chơi, đã nhiều lần bà T cố gắng bỏ qua tất cả vì cuộc sống gia đình, nhưng ông D vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng cứ lặp đi lặp lại nhiều lần, nên đến tháng 10 năm 2024 bà T bỏ về nhà mẹ đẻ tại Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị sinh sống cho đến nay. Trong khoảng thời gian này vợ chồng có liên lạc với nhau, nhưng chủ yếu hỏi thăm về sức khỏe của

con cái, nay bà T thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, vợ chồng không còn quan tâm và yêu thương nhau nữa nên bà T làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Trương Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh D càng sớm càng tốt.

Về con chung: bà T và ông D có một người con chung là cháu Nguyễn Trương AT, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2022, hiện tại cháu AT đang ở cùng bà T tại thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu AT và cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu AT đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, ngày 22/4/2025, bà T có đơn xin rút rút yêu cầu về việc ông D cấp dưỡng nuôi con chung vì lý do bà T đủ khả năng nuôi con, thời gian qua ông D cũng không có trách nhiệm gì với con.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật cho ông Nguyễn Thanh D. Ông Nguyễn Thanh D nhận được các văn bản Tố tụng của Tòa án nhưng không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án cũng không đưa ra ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Thu T. Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự việc trên theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thanh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong có ý kiến như sau: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 244; khoản 2 Điều 227; Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thu T, xử cho bà T được ly hôn với ông D; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trương AT, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2022 cho bà Trương Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Thanh D cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Trương AT mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả công bố tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con giữa nguyên đơn bà Trương Thị Thu T và bị đơn ông Nguyễn Thanh D theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 24 tháng 02 năm 2025, Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, nguyên đơn. Sau khi tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông D nhưng ông D không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Ngày 06/3/2025, Tòa án ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 14/3/2025 và tổng đạt hợp lệ cho các bên đương sự. Ngày 14/3/2025, Tòa án tổ chức phiên họp, kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Thanh D vắng mặt nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ được có sự chứng kiến của bà T. Ngày 17/3/2025, Tòa án ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 2) vào ngày 21/3/2025. Ngày 21/3/2025, Tòa án tổ chức phiên họp lần 2 nhưng ông Nguyễn Thanh D vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ có sự chứng kiến của bà T. Ngày 21 tháng 3 năm 2025, Tòa án ra thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tổng đạt hợp lệ cho ông D. Ngày 26/3/2025, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa ngày 15/4/2025 ông Nguyễn Thanh D vắng mặt không lý do, Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 và ấn định thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 24 tháng 4 năm 2025. Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Thanh D là bị đơn vắng mặt lần 02 không lý do; bà Trương Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Thanh D yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện P, tỉnh Quảng Trị vào ngày 20/01/2022 theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống tại Thôn X, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị. Theo đơn trình bày nguyên đơn thì quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc như bao cặp vợ chồng khác cho đến đầu năm 2024 thì vợ chồng bà bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, ông D không chăm lo gia đình, ham chơi, đã nhiều lần bà T cố gắng bỏ qua tất cả vì cuộc sống gia đình, nhưng ông D vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng cứ lặp đi lặp lại nhiều lần, nên đến tháng 10 năm 2024 bà T bỏ về nhà mẹ đẻ tại Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị sinh sống từ đó cho đến nay. Trong khoảng thời gian này vợ chồng bà có liên lạc với nhau, nhưng chủ yếu hỏi thăm về sức khỏe của con cái, nay bà thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, hai người không còn quan tâm và yêu thương nhau nữa nên bà T làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Trương Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh D. Ngày 26/3/2025, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông D và bà T tại UBND xã Đ. Qua xác minh, được biết: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông D và bà T sống chung với nhau tại nhà của bố mẹ ông D ở thôn Thôn X, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Trị. Vợ chồng ông D và bà T sống với nhau một thời gian thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Cuối năm 2024, bà T bỏ về nhà của mình ở Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị sinh sống và không quay lại sống với ông D nữa. Từ đó cho đến nay, vợ chồng ông Nguyễn Thanh D và bà Trương Thị Thu T sống ly thân với nhau.

Qua xem xét đơn khởi kiện của bà T và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa ông D và bà T tại địa phương và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: vợ chồng bà T, ông D đã sống ly thân từ cuối năm 2024 cho đến nay, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng ông D vẫn cố tình vắng mặt, không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, chứng tỏ ông D không quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà T. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà T được ly hôn ông D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Bà Trương Thị Thu T và ông Nguyễn Thanh D có một con chung là cháu Nguyễn Trương AT, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2022, hiện tại cháu AT đang ở cùng bà Trương Thị Thu T ở Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Trong đơn khởi kiện bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Trương AT và yêu cầu ông Nguyễn Thanh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu AT đến 18 tuổi và có khả năng lao động. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà T rút yêu cầu về việc ông D cấp dưỡng nuôi con chung vì lý do bà T đủ khả năng nuôi con, thời gian qua ông D cũng không có trách nhiệm gì với con. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Nguyễn Trương AT hiện đang còn nhỏ cần có sự chăm sóc đặc biệt từ người mẹ, hơn nữa cháu AT hiện cũng đang sống cùng bà T vì vậy cần giao cháu Nguyễn Trương AT, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2022 cho bà Trương Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với về việc buộc ông Nguyễn Thanh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Nguyễn Trương AT đến 18 tuổi và có khả năng lao động là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ Điều 244 BLTTDS đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này theo quy định tại Điều 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: bà Trương Thị Thu T nộp đơn ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 244; khoản 2 Điều 227; Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, tuyên xử:

- Về tình cảm: xử cho bà Trương Thị Thu T được ly hôn ông Nguyễn Thanh D.

- Về con chung: xử giao cháu Nguyễn Trương AT, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2022 cho bà Trương Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Thanh D cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Trương AT mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: bà Trương Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000315 ngày 20/2/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (bà Trương Thị Thu T đã nộp đủ phí ly hôn sơ thẩm).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- CCTHADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Triệu Độ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đăng Khoa